

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **548/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 03/10/2019

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

2. Ông **Nguyễn Trung Trục**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Thanh Phong** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Huỳnh Thị Bích A**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Phạm Văn B**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích A trình bày:*

Chị và anh B do tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2014 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 05/5/2015. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chồng cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi. Đến tháng 03/2019 thì mâu thuẫn càng trầm trọng mà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, nên vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 04/2019 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: anh, chị có 02 con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 02/7/2015, Phạm Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 11/01/2017 hiện các con đang

sống cùng anh B. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Chị không đồng ý giao anh B nuôi con vì anh B không lo làm ăn, cò bạc, cha mẹ chồng thì lo chăm sóc vườn thanh long nên không có thời gian chăm sóc cho con. Bản thân chị có nghề buôn bán trái cây (dưa hấu) nên thu nhập cũng tương đối ổn định để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị A đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Phạm Văn B trình bày:*

C thống nhất lời trình bày của chị A về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, anh không đồng ý về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn mà chị A trình bày, vợ chồng anh không có mâu thuẫn nhau nhưng nay chị A quyết định xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: hiện nay các con đang sống ổn định với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

C và chị A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn và thống nhất về việc nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị A và anh B tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới năm 2014. Đến năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39 ngày 05/5/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh B cư trú tại ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo. Nay chị A xin ly hôn với anh B, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo và được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn ban đầu giữa vợ chồng không lớn nhưng anh chị không tự khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay và không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, anh B cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng thể hiện hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[4] Về con chung: Chị A và anh B có 02 con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 02/7/2015, Phạm Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 11/01/2017, hiện các con đang sống với anh B.

Xét thấy, cháu Quỳnh C tuổi còn nhỏ và Quỳnh D dưới 36 tháng tuổi hiện đang sống cùng anh B. Tại phiên tòa, chị A và anh B thống nhất giao anh B được quyền tiếp tục 02 nuôi con chung vì các con đã sống ổn định với anh B. Do đó, để đảm bảo cho cháu Quỳnh C, Quỳnh D có cuộc sống ổn định phát triển toàn diện về mọi mặt và đảm bảo đúng quy định của pháp luật về việc giao con dưới 36 tháng tuổi cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nay chị A thống nhất giao anh B được tiếp tục nuôi 02 con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao anh B được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Quỳnh C và Quỳnh D. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị A và anh B cùng trình bày anh, chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn và thống nhất về việc nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận. Đề nghị này phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Bích A.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Bích A với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Huỳnh Thị Bích A với anh Phạm Văn B.

C Phạm Văn B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 02/7/2015 và Phạm Ngọc Quỳnh D, sinh ngày 11/01/2017;

C Phạm Văn B không yêu cầu chị Huỳnh Thị Bích A cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Bích A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002643 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã N;
- Nông sãi;
- Lầu hoà sô.

(đã ký)

Phạm Văn Tài

